TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 20 – 5 – 2024
V/v: Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hoàng Anh.
Ông Vũ Tùng Lâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 97/2023/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1041/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận GV, Thành phố H bị ông Phạm Công Đ kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1657/2024/QĐXXPT – HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 5477/QĐHPT – HNGĐPT ngày 25/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Anh Đ, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 226/3 đường LVT, Phường X, quận GV, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Công Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 50/10 đường số 9, Phường Y, quận GV, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Anh Đ trình bày:

Bà Phạm Thị Anh Đ và ông Phạm Công Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AHT, quận ST, thành phố ĐN theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 ngày 12/4/2006. Bà Anh Đ và ông Đ

chung sống hạnh phúc cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông Đ có tính gia trưởng, không tôn trọng bà Anh Đ, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ông Đ thường đòi ly hôn và đuổi bà Anh Đ ra khỏi nhà nên mâu thuẫn ngày càng nặng nề. Nghiêm trọng hơn, trong sinh hoạt vợ chồng thì ông Đ có hành vi bạo lực, ép buộc có lúc phải nhập viện. Trầm trọng là vào năm 2015, khi mẹ ruột ông Đ chết thì ông Đ bắt đầu mê tín khiến cho bà Anh Đ trở nên u uất, trầm cảm. Mặc dù bà Anh Đ có khuyên nhưng ông Đ vẫn bỏ ngoài tai không quan tâm. Đồng thời, ông Đ còn ép bà Anh Đ uống một loại nước có màu đục, không rõ nguồn gốc, không rõ công dụng do thầy bói chỉ ông Đ. Bà Anh Đ từ chối uống thì ông Đ to tiếng, nạt nộ và còn đe dọa bà Anh Đ. Đỉnh điểm là tháng 11/2022, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ông Đ đã dùng dao uy hiếp bà Anh Đ. Do quá hoảng loạn nên bà Anh Đ đã qua nhà cha mẹ ruột của bà Anh Đ ở tạm và cư trú từ đó đến nay. Bà Anh Đ và ông Đ đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả, không giải quyết được mâu thuẫn. Bà Anh Đ và ông Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Bà Anh Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Anh Đ yêu cầu ly hôn với ông Phạm Công Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Công P, sinh ngày 23/02/2008 và Phạm Công T, sinh ngày 31/10/2011. Bà Anh Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng tùy thuộc vào nguyện vọng của các con. Trẻ P có nguyện vọng sống với cha, trẻ T có nguyện vọng sống với mẹ nên bà Anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T và giao trẻ P cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 29/12/2022 và tại Biên bản hòa giải ngày 29/12/2022, bị đơn ông Phạm Công Đ trình bày:

Ông Đ và bà Phạm Thị Anh Đ có quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau từ năm 2005 đến năm 2009 thì tự nguyên tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường AHT, quận ST, thành phố ĐN cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 ngày 12/4/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do áp lực gia đình, anh trai ông Đ chết, em trai ông Đ bị bệnh ung thư nên ông Đ có bỏ bê vợ con để lo cho em trai ông Đ.

Đối với việc áp đặt ý chí mà bà Anh Đ trình bày, trong cuộc sống thì ông Đ chỉ nêu ra quan điểm đối với những vấn đề chung của gia đình, đối với vấn đề riêng của bà Anh Đ thì ông Đ không áp đặt gì.

Đối với việc ép bà Anh Đ uống thuốc là do thấy bà Anh Đ bị bệnh nên ông Đ lo lắng và đi kiếm thuốc nam cho bà Anh Đ uống để khỏi bệnh. Tuy nhiên, cái sai của ông Đ là không nói rõ nguồn gốc của thuốc mà đưa bà Anh Đ uống, dẫn đến bà Anh Đ có suy nghĩ không đúng về ông Đ.

Ngày 15/11/2022, bà Anh Đ nói với ông Đ là bà Anh Đ muốn ly hôn, nên hai bên có tranh cãi qua lại, ông Đ có suy nghĩ tiêu cực và có cầm dao với ý nghĩ là tự

gây thương tích cho chính bản thân mình. Sau đó, bà Anh Đ đi lên gác thì ông Đ có cầm dao lên gác và đâm vào bàn nơi bà Anh Đ và trẻ T đang ngồi, suy nghĩ lại rồi ông Đ bỏ đi. Lúc đó do tâm lý không ổn định nên ông Đ mới có hành động như vậy chứ không có ý đe dọa bà Anh Đ và con.

Ông Đ và bà Anh Đ không còn sống chung nhà từ ngày 15/11/2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng dành cho bà Anh Đ vẫn còn nên ông Đ muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà Anh Đ nên không đồng ý ly hôn.

Tại các lần hòa giải tại Tòa án, ông Đ không đồng ý ly hôn với bà Anh Đ vì ông Đ cho rằng cuộc sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng tình cảm dành cho bà Anh Đ vẫn còn nên ông Đ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Đ và bà Anh Đ có 02 con chung như bà Anh Đ trình bày. Tại bản tự khai ngày 29/12/2022, ông Đ trình bày về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ tùy thuộc vào nguyện vọng của con muốn sống với ai; Tại Biên bản hòa giải ngày 11/01/2023, ông Đ trình bày nếu ly hôn ông Đ không đồng ý giao hai trẻ Phạm Công P và Phạm Công T cho bà Anh Đ nuôi dưỡng mà nguyện vọng của ông Đ là yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung vì ông Đ đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu bà Anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/6/2023, ông Đ không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1041/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận GV, Thành phố H đã nhận định:

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường AHT, quận ST, thành phố ĐN cấp ngày 12/4/2006, xác định hôn nhân giữa bà Phạm Thị Anh Đ và ông Phạm Công Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Anh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bà Anh Đ trình bày giữa bà Anh Đ và ông Đ không có tiếng nói chung, tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống. Ông Đ không quan tâm đến cảm xúc của bà Anh Đ, không tôn trọng bà Anh Đ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên cuộc sống gia đình ngày càng nặng nề. Bà Anh Đ đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn với ông Đ nhưng không có kết quả. Bà Anh Đ không chịu nổi cuộc sống căng thẳng với ông Đ nên bà Anh Đ đã ra ở riêng không còn chung sống với ông Đ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Anh Đ và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về phía ông Phạm Công Đ, Tòa án đã triệu tập ông Đ đến Tòa án làm việc nhiều lần để tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Anh Đ và ông Đ hàn gắn đoàn tụ. Tuy nhiên, ông Đ không có mặt đầy đủ theo triệu tập của Tòa án tại các phiên hòa giải. Hơn nữa, Tòa án đã tạo điều kiện cho ông Đ rất nhiều thời gian để có biện pháp giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến

nay vẫn không có kết quả. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 21/7/2023, ông Đ có làm đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bận công việc. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa hôm nay. Điều này cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Anh Đ và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù ông Đ muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Đ không đưa ra được giải pháp cụ thể gì để giải quyết những mâu thuẫn và duy trì quan hệ hôn nhân với bà Anh Đ. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Mặt khác, bà Anh Đ và ông Đ đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà Anh Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của bà Anh Đ về việc ly hôn với ông Đ là có cơ sở nên chấp nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Anh Đ.

Về con chung: Bà Anh Đ và ông Đ có 02 con chung tên Phạm Công P, sinh ngày 23/02/2008 và Phạm Công T, sinh ngày 31/10/2011. Ông Đ và bà Anh Đ đều trình bày có đầy đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở cũng như tinh thần để trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ và sẽ trực tiếp nuôi dưỡng tùy thuộc vào nguyện vọng của các con. Đồng thời, tại bản ghi nhận nguyện vọng của hai trẻ thể hiện trẻ P có nguyện vọng sống với cha, trẻ T có nguyện vọng sống với mẹ. Do vậy, để đảm bảo và tôn trọng quyền lợi của trẻ em, Hội đồng xét xử giao trẻ T cho bà Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ P cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Từ những nhận định nêu trên, cấp sơ thẩm đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Anh Đ:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Anh Đ được ly hôn với ông Phạm Công Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường AHT, quận ST, thành phố ĐN cấp ngày 12/4/2006 hết hiệu lực).

Về con chung: Bà Phạm Thị Anh Đ và ông Phạm Công Đ có 02 con chung tên Phạm Công P, sinh ngày 23/02/2008 và Phạm Công T, sinh ngày 31/10/2011. Giao trẻ Phạm Công T cho bà Phạm Thị Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, giao trẻ Phạm Công P cho ông Phạm Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Thị Anh Đ và ông Phạm Công Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2023, ông Phạm Công Đ kháng cáo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1041/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận GV, Thành phố H, yêu cầu cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Anh Đ.

Tại cấp phúc thẩm:

Ông Phạm Công Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Phạm Thị Anh Đ yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố H có thông báo về việc thụ lý vụ án phúc thẩm cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và đương sự.

Căn cứ Điều 290 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố H có Quyết định đưa vụ án ra xét xử gửi cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H và các đương sự.

Hồ sơ vụ án cũng đã được chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thực hiện việc tống đạt các Quyết định cho các bên đương sự đầy đủ.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 239, 297, 298, 301, 302, 303 và 305 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm.

3. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự:

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo:

Ngày 08/8/2023, Tòa án nhân dân quận GV xét xử và ban hành Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1041/2023/HNGĐ-ST. Do ông Đ vắng mặt tại phiên tòa, ngày 23/8/2023 ông Đ nhận được bản án. Ngày 07/9/2023, ông Đ có đơn kháng cáo

Bản án của Tòa án nhân dân quận GV. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo còn trong thời hạn luật định.

5. Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký kết hôn số 38, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường AHT, quận ST, thành phố ĐN cấp ngày 12 tháng 4 năm 2006, xác định hôn nhân giữa bà Phạm Thị Anh Đ và ông Phạm Công Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống bà Anh Đ và ông Đ không có tiếng nói chung, tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, ông Đ không quan tâm đến cảm xúc của bà Anh Đ, không tôn trọng bà Anh Đ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên cuộc sống gia đình ngày càng nặng nề. Bà Anh Đ đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn với ông Đ, nhưng ông Đ không đưa ra được phương thức thể hiện sự mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân. Tại phiên Tòa hôm nay, bà Anh Đ không đến tham dự chứng tỏ cuộc sống chung vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Mặt khác, bà Anh Đ và ông Đ đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

Về con chung: Bà Anh Đ và ông Đ có 02 con chung tên Phạm Công P, sinh ngày 23/02/2008 và Phạm Công T, sinh ngày 31/10/2011. Ông Đ và bà Anh Đ đều trình bày có đầy đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở cũng như tinh thần để trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ và sẽ trực tiếp nuôi dưỡng tùy thuộc vào nguyện vọng của các con. Đồng thời, tại bản ghi nhận nguyện vọng của hai trẻ thế hiện trẻ P có nguyện vọng sống với cha, trẻ T có nguyện vọng sống với mẹ. Do vậy, để đảm bảo và tôn trọng quyền lợi của trẻ em, bà Anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Công T, ông Đ được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Công P, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Anh Đ không yêu câu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Bởi các lẽ trên,

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Công Đ. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1041/2023/HNGĐ-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân quận GV.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Phạm Công Đ làm trong hạn luật định và đã thực hiện nghĩa vụ của người kháng cáo phù hợp với các quy định tại Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Xét yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của ông Phạm Công Đ và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Công Đ (sau đây gọi là ông Đ) và bà Phạm Thị Anh Đ (sau đây gọi là bà Anh Đ) tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường AHT, quận ST, thành phố ĐN cấp ngày 12/4/2006, được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Anh Đ xin ly hôn ông Đ với lý do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông Đ có tính gia trưởng, không tôn trọng bà Anh Đ, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ông Đ thường đòi ly hôn và đuổi bà Anh Đ ra khỏi nhà nên mâu thuẫn ngày càng nặng nề. Nghiêm trọng hơn, trong sinh hoạt vợ chồng thì ông Đ có hành vi bạo lực, ép buộc có lúc bà Anh Đ phải nhập viện. Mâu thuẫn trầm trọng là vào năm 2015, khi mẹ ruột ông Đ chết thì ông Đ bắt đầu mê tín dị đoan, khiến cho bà Anh Đ trở nên u uất, trầm cảm. Mặc dù bà Anh Đ có khuyên nhưng ông Đ vẫn bỏ ngoài tai không quan tâm. Đồng thời, ông Đ còn ép bà Anh Đ uống một loại nước có màu đục, không rõ nguồn gốc, không rõ công dụng do thầy bói chỉ dẫn, bà Anh Đ từ chối uống thì ông Đ to tiếng, nạt nộ và còn đe dọa bà Anh Đ. Đỉnh điểm là tháng 11/2022, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông Đ đã dùng dao uy hiếp bà Anh Đ, do quá hoảng loạn nên bà Anh Đ đã về nhà cha mẹ ruột của bà Anh Đ ở tạm và cư trú từ đó đến nay. Bà Anh Đ và ông Đ đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả, không giải quyết được mâu thuẫn. Bà Anh Đ và ông Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay.

Ông Đ trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do áp lực gia đình, anh trai ông Đ chết, em trai ông Đ bị bệnh ung thư nên ông Đ có bỏ bê vợ con để lo cho em trai ông Đ. Đối với việc áp đặt ý chí mà bà Anh Đ trình bày, trong cuộc sống thì ông Đ chỉ nêu ra quan điểm đối với những vấn đề chung của gia đình, đối với vấn đề riêng của bà Anh Đ thì ông Đ không áp đặt gì. Đối với việc ép bà Anh Đ uống thuốc là do thấy bà Anh Đ bị bệnh nên ông Đ lo lắng và đi kiếm thuốc nam cho bà Anh Đ uống để khỏi bệnh. Tuy nhiên, cái sai của ông Đ là không nói rõ nguồn gốc của thuốc mà đưa bà Anh Đ uống, dẫn đến bà Anh Đ có suy nghĩ không đúng về ông Đ. Ngày 15/11/2022, bà Anh Đ nói với ông Đ là bà Anh Đ muốn ly hôn, nên hai bên có tranh cãi qua lại, ông Đ có suy nghĩ tiêu cực và có cầm dao với ý nghĩ là tự gây thương tích cho chính bản thân mình. Sau đó, bà Anh Đ đi lên gác thì ông Đ có cầm dao lên gác và đâm vào bàn nơi bà Anh Đ và trẻ T đang ngồi, suy nghĩ lại rồi ông Đ bỏ đi. Lúc đó do tâm lý không ổn định nên ông Đ mới có hành động như vậy chứ không có ý đe dọa bà Anh Đ và con. Ông Đ và bà Anh Đ không còn sống chung nhà từ ngày 15/11/2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng dành cho bà Anh Đ vẫn còn nên ông Đ muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà Anh Đ và không đồng ý ly hôn.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Anh Đ và ông Đ xác định vợ chồng đã có mâu thuẫn một thời gian dài, không còn tiếng nói chung, ông Đ đã có hành vi bạo lực gia đình dùng dao đe dọa bà Anh Đ; Đã cho thấy hai bên đã không còn niềm tin với nhau. Hai bên thừa nhận đã sống ly thân từ năm 2022, cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà Anh Đ và ông Đ đã không còn tồn tại, vợ chồng không còn cùng nhau chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống.

Quan hệ hôn nhân được tồn tại và hạnh phúc trên cơ sở tình cảm yêu thương, sự tin tưởng, sự chia sẻ cùng nhau giữa hai vợ chồng; đối với vợ chồng bà Anh Đ và ông Đ đã không còn điều này, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Anh Đ và ông Đ là có và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Song song đó, tại cấp phúc thẩm ông Đ yêu cầu đoàn tụ với bà Anh Đ nhưng ông Đ cũng không đưa ra được phương thức, biện pháp để vợ chồng đoàn tụ; Đối với bà Anh Đ cương quyết yêu cầu ly hôn ông Đ. Do đó, cấp sơ thẩm đã Quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Anh Đ đối với ông Đ là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Phạm Công P, sinh ngày 23/02/2008 và Phạm Công T, sinh ngày 31/10/2011.

Bà Anh Đ và ông Đ trình bày có đầy đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở cũng như tinh thần để trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ và sẽ trực tiếp nuôi dưỡng tùy thuộc vào nguyện vọng của các con. Tại bản ghi nhận nguyện vọng của hai trẻ thể hiện trẻ Phạm Công P có nguyện vọng sống với cha, trẻ Phạm Công T có nguyện vọng sống với mẹ. Do vậy, để đảm bảo và tôn trọng quyền lợi của trẻ em, cấp sơ thẩm đã Quyết định giao trẻ Phạm Công T cho bà Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Phạm Công P cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Anh Đ không yêu cầu giải quyết, ông Đ không tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 284, Điều 293, Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Công Đ.

II. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1041/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận GV, Thành phố H, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Anh Đ ly hôn ông Phạm Công Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38 quyển số 01 ngày 12/4/2006 do Ủy ban nhân dân phường AHT, quận ST, thành phố ĐN cấp cho bà Phạm Thị Anh Đ và ông Phạm Công Đ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Công P, sinh ngày 23/02/2008 và Phạm Công T, sinh ngày 31/10/2011.

Giao trẻ Phạm Công T cho bà Phạm Thị Anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trẻ Phạm Công T tròn18 tuổi.

Giao trẻ Phạm Công P cho ông Phạm Công Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trẻ Phạm Công P tròn 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc giao nhận con chung do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Bà Phạm Thị Anh Đ và ông Phạm Công Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí HNGĐ – ST: Bà Phạm Thị Anh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012306 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận GV, Thành phố H.

III. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Phạm Công Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012339 ngày 14/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận GV, Thành phố H.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND QGV, TP.H;
- Chi cục THADS QGV, TP.H;
- UBND phường AHT, quận ST, tpĐN;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức